

CÔNG TY CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST
25 PASTEUR, P. NGUYỄN THÁI BÌNH, QUẬN 1, TP. HCM



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT QUÝ IY

NĂM 2016

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
Mục lục	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
Bảng Cân đối kế toán	4 - 5
Báo cáo Kết quả kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	7
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	8 - 20

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST ("Công ty") là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày : 27/12/2014

Thông tin liên lạc

Địa chỉ trụ sở chính: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Địa chỉ địa điểm KD: 25 Pastuer phường Nguyễn Thái Bình Quận 1 TP.HCM
Điện thoại: (+84 8)9141889
Fax: (+84 8)9141890
Website: saigontourist-stt.com

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

Ông RyoTaro Ohtake
Ông Kakazu Shogo
Ông Nguyễn Văn Hồng
Ông Đinh Quang Phước Thanh
Ông Shimabukuro Yoshinori

Chủ tịch HĐQT
Phó chủ tịch HĐQT
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Ngày tái nhiệm : 28/04/2015
Bổ nhiệm kỳ ngày 28/04/2015
HĐQT bổ nhiệm ngày 27/05/2016
ĐH cổ đông bầu ngày 29/07/2016

Ban Giám đốc

Ông Kakazu Shogo

Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2016

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

- Thực hiện các phân đoạn và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các báo cáo tài chính; các số kế toán được cập nhật, lưu giữ một cách đầy đủ và phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc tiết kiệm chi phí đầu tư cũng như chi phí hoạt động kinh doanh và bảo vệ an toàn tài sản của Công ty, do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hiện tượng làm tổn thất và thiệt hại đến tài sản của Công ty, cũng như các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh 12 tháng và lưu chuyển tiền tệ 12 tháng của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



KAKAZU SHOGO - Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 Tháng 1 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VNĐ
 01-01-2016

TÀI SẢN

Mã số	Thuyết minh	31-12-2016	01-01-2016
100		23,069,293,268	23,784,964,637
TÀI SẢN NGẮN HẠN			
110	V.1	9,682,767,881	4,488,939,682
Tiền và các khoản tương đương tiền		1,880,356,648	988,939,682
111		7,802,411,233	3,500,000,000
Tiền			
112			
Các khoản tương đương tiền			
120	V.	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
130		10,689,049,593	17,098,880,744
Các khoản phải thu ngắn hạn		15,053,326,026	23,893,236,237
131	V.3a	1,352,670,827	1,454,920,211
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		24,568,800,742	21,622,413,998
132	V.4	(30,285,748,002)	(29,871,689,702)
Trả trước cho người bán ngắn hạn			
136	V.5a		
Các khoản phải thu khác			
137	V.6		
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	V.7	335,021,478	334,247,236
Hàng tồn kho		559,248,040	558,473,798
141		(224,226,562)	(224,226,562)
Hàng tồn kho			
149			
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150		2,362,454,316	1,862,896,975
Tài sản ngắn hạn khác		1,470,555,233	1,545,245,550
151	V.9a	541,840,722	45,099,143
Chi phí trả trước ngắn hạn		350,058,361	272,552,282
152	V.14b		
Thuế GTGT được khấu trừ			
153	V.14b		
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			
200		24,262,537,582	26,524,437,319
TÀI SẢN DÀI HẠN			
210		2,807,068,180	3,307,068,180
Các khoản phải thu dài hạn		5,796,000,000	5,796,000,000
215	V.2	2,807,068,180	3,307,068,180
Phải thu về cho vay dài hạn		(5,796,000,000)	(5,796,000,000)
216	V.5b	18,792,275,575	15,674,880,206
Phải thu dài hạn khác		18,547,831,131	15,674,880,206
219	V.2	40,362,368,374	44,324,781,306
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(21,814,537,243)	(28,849,901,100)
220		244,444,444	-
Tài sản cố định		250,000,000	-
221	V.8	(5,555,556)	-
Tài sản cố định hữu hình			
222			
- Nguyên giá			
223			
- Giá trị hao mòn lũy kế			
227	V.		
Tài sản cố định vô hình			
228			
- Nguyên giá			
229			
- Giá trị hao mòn lũy kế			
250			4,691,515,990
V. Đầu tư tài chính dài hạn			
251	V.c		
Đầu tư vào công ty con			
252	V.c		
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	V.2		
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
260		2,663,193,827	2,850,972,943
V. Tài sản dài hạn khác			
261	V.9b	1,013,076,082	1,280,871,199
Chi phí trả trước dài hạn		1,570,101,744	1,570,101,744
262	V.18a		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
270		47,331,830,850	50,309,401,956

TỔNG CỘNG TÀI SẢN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31-12-2016	01-01-2016
NGUỒN PHẢI TRẢ	300		19,066,534,807	16,796,023,378
Nợ ngắn hạn	310		15,851,715,582	12,382,663,311
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12a	5,857,939,156	812,176,339
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	117,272,581	140,771,603
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1,423,879,425	1,694,319,750
Phải trả người lao động	314		1,819,983,216	1,971,615,606
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15a	1,123,729,837	586,331,713
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		242,753,774	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	97,793,639	72,324,706
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	5,168,363,954	6,821,790,092
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10a	-	283,333,502
Nợ dài hạn	330		3,214,819,225	4,413,360,067
Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15b	1,293,671,875	1,608,313,717
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	730,000,000	1,460,000,000
Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	1,191,147,350	1,345,046,350
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		28,265,296,043	33,513,378,578
Vốn chủ sở hữu	410	V.19	28,265,296,043	33,513,378,578
Vốn góp của chủ sở hữu	411		80,000,000,000	80,000,000,000
- CP phổ thông có quyền biểu quyết	411a		80,000,000,000	80,000,000,000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(51,734,703,957)	(46,486,621,422)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(46,486,621,422)	(26,365,657,125)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(5,248,082,535)	(20,120,964,297)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
L. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		47,331,830,850	50,309,401,956

Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 Tháng 1 năm 2017



KAKAZU SHOGO

Quý IV '2016

CHỈ TIÊU	Mã số	QUÝ IV -2016	QUÝ IV -2015	Lấy kế Quý IV '2016	Lấy kế Quý IV '2015
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	13,832,748,607	10,285,634,232	50,959,470,718	58,045,684,876
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	15,060,000	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	13,832,748,607	10,285,634,232	50,944,410,718	58,045,684,876
Giá vốn hàng bán	11	14,655,952,675	10,975,928,475	53,513,637,066	58,363,199,572
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	(823,204,068)	(690,294,243)	(2,569,226,348)	(317,514,696)
Doanh thu hoạt động tài chính	21	131,460,748	53,961,767	458,039,490	264,842,465
Chi phí tài chính	22	9,139,200	(5,179,702,392)	17,920,787	254,206,629
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	9,081,013	129,298,517	15,202,489	241,649,615
Chi phí bán hàng	24	246,346,186	321,304,696	1,182,730,795	1,027,258,247
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	3,109,732,012	9,143,264,181	8,505,862,607	20,054,197,802
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(4,056,960,718)	(4,921,198,961)	(11,817,701,047)	(21,388,334,909)
Thu nhập khác	31	1,174,340,116	829,959,140	6,724,067,254	2,878,217,587
Chi phí khác	32	86,309,640	82,245,349	155,115,398	1,610,846,975
Lợi nhuận khác	40	1,088,030,476	747,713,791	6,568,951,856	1,267,370,612
Lợi nhuận trong các cty liên kết	45	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	(2,968,930,242)	(4,173,485,170)	(5,248,749,191)	(20,120,964,297)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	-	-	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	(2,968,930,242)	(4,173,485,170)	(5,248,749,191)	(20,120,964,297)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	-	-	(656)	(2,515)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	-	-	-

Người lập/ Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 Tháng 1 năm 2017
 Tổng Giám đốc

 KAKAZU SHOGO

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp gián tiếp

Lũy kế Quý IV '2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Lũy kế Quý IV '2016	Lũy kế Quý IV '2015
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	(2,947,566,023)	(7,244,416,864)
Lợi nhuận trước thuế	(5,248,749,191)	(20,120,964,297)
Điều chỉnh cho các khoản	(7,035,363,857)	4,157,575,710
Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	414,058,300	7,415,065,469
Các khoản dự phòng		2,045,557
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(4,757,062,206)	(670,478,412)
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản cố định	15,202,489	241,649,615
Chi phí lãi vay	(458,039,490)	
Thu nhập lãi vay		
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	8,720,940,894	3,452,228,901
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(774,242)	31,321,624
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	5,074,938,335	(796,838,029)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả		
(không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	342,485,434	(714,373,387)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước		
(Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	(15,202,489)	(241,649,615)
Tiền lãi vay đã trả	8,424,727,724	14,789,681,830
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	(7,479,407,756)	
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác		
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	10,754,580,000	19,401,181,820
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(4,611,499,990)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	4,691,515,990	
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	458,039,490	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(283,333,502)	(6,724,953,458)
Tiền thu từ đi vay	(283,333,502)	(6,724,953,458)
Chi trả nợ gốc vay		
Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	5,193,828,199	820,311,508
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	4,488,939,682	3,668,628,174
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	9,682,767,881	4,488,939,682
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	0	0

Người lập/Kế toán trưởng

HỒ THỊ TRÚC VÂN



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 Tháng 1 năm 2017

Tổng Giám đốc

KAKAZU SHOGO

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Thông tin doanh nghiệp

Công ty CP VẬN CHUYỂN SÀI GÒN TOURIST ("Công ty") là một công ty được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303609986 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 31 tháng 12 năm 2004 và được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 15 vào ngày 27/12/2014.

Hoạt động chính của công ty là vận tải hành khách bằng taxi, vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh du lịch từ hành nội bộ, quốc tế; đại lý vé máy bay, giáo dục nghề nghiệp;

Công ty có trụ sở chính tại 25 Pasteur, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP.HCM

1.2. Cấu trúc doanh nghiệp

1.2.1. Danh sách các công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 2 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

khi của Công ty trong các công ty con này như sau:					
Stt	Tên công ty	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Trụ sở chính	Hoạt động chính
1	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Bảo vệ Long Văn	100	100	Tầng trệt, tòa nhà PSG SỐ 11BIS Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q. 3, TP.HCM	► Dịch vụ bảo vệ
2	Công ty TNHH MTV Thương mại Du lịch Sài Gòn	100	100	Tầng trệt, tòa nhà PSG SỐ 11BIS Nguyễn Gia Thiều, P. 6, Q. 3, TP.HCM	► Điều hành tour du lịch vận tải hành khách

1.3. KÝ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ký kế toán năm: Ký kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ: Đồng Việt Nam

1.4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.4.1. Chuẩn mực và hệ thống kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

1.4.2. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

1.4.3. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các Báo cáo tài chính.

1.5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1.5.1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1.5.2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Tỷ giá sử dụng để quy đổi lập Báo cáo tài chính (tỷ giá giao dịch tại Ngân hàng VCB- tỷ giá chuyển khoản/mua vào):

- Tại ngày 01-01-2016:	22,450	VND/USD
- Tại ngày 31-12-2016:	22,720	VND/USD

Nguyên tắc xác định lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

1.5.3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh.

Hàng tồn kho

Bất động sản để bán

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng tồn kho theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng tồn kho bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu;
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Hàng tồn kho khác

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, trong đó giá trị của nguyên vật liệu xây dựng được xác định theo giá vốn thực tế theo phương pháp nhập trước, xuất trước.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

8. **Khấu hao và khấu trừ**
Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa vật kiến trúc	25-50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 6 năm
Phương tiện vận tải	7 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Tài sản khác	4 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

9. **Chi phí đi vay**
Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm ngoại trừ các khoản được vốn hóa được mô tả trong đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. **Đầu tư vào công ty con**
Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên hàng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

15. Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 26 tháng 6 năm 2013 do Bộ Tài chính ban hành. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính của doanh nghiệp trong kỳ.

16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

17. Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa. Các khoản phải trả nhà thầu xây dựng cho dự án bất động sản được ghi nhận theo biên bản nghiệm thu khối lượng giữa hai bên, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động. Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ.

18. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN số 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong năm tài chính trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

19. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

20. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các nhà đầu tư sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ dự phòng tài chính từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ dự phòng tài chính được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

21. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể xác định được giá trị một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua.

Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư

Doanh thu cho thuê bất động sản được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

Doanh thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ

Liên quan đến hoạt động khách sạn, khu vui chơi giải trí, bệnh viện và các dịch vụ có liên quan khác, doanh thu được ghi nhận khi các dịch vụ được thực hiện.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là doanh thu khi quyền lợi được nhận cổ tức của Công ty với tư cách là nhà đầu tư được xác lập.

18. Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng. Khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

► Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;

► Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được tài sản hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong cùng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2011 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thống tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, trái phiếu và vay chuyển đổi, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư 210 hiện không đưa ra yêu cầu về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tiền và các khoản tương đương tiền

	31-12-2016	01-01-2016
Tiền mặt	557,725,079	126,064,923
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1,322,631,569	862,874,759
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	7,802,411,233	3,500,000,000
	<u>9,682,767,881</u>	<u>4,488,939,682</u>

Đầu tư tài chính, góp vốn vào đơn vị khác

	31-12-2016		01-01-2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Đầu tư vào đơn vị khác	5,876,016,000	5,796,000,000	10,487,515,989	5,796,000,000
+ Công ty CP 6 Tờ Vàng tài Vina Đồng Dương	5,796,000,000	5,796,000,000	5,796,000,000	5,796,000,000
+ Tập đoàn Radius	80,016,000		80,016,000	
+ Công Ty Cổ Phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex			4,611,499,989	
Cộng:	<u>5,876,016,000</u>	<u>5,796,000,000</u>	<u>10,487,515,989</u>	<u>5,796,000,000</u>

Phải thu khách hàng

a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	31-12-2016	01-01-2016
Ông Hiếu Tomiya	-	9,300,150,240
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhuận	9,596,271,434	9,612,787,236
Baghdad Sayed (Grand)	301,346,953	301,346,953
Công ty TNHH Điện lực BOT Phú Mỹ 3	1,207,058,150	1,207,435,450
Công ty Cổ phần VN Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Du lịch Phú Thọ		200,149,400
Công ty Xe khách Sài Gòn	184,831,591	
CN Cty CP Tư vấn xây dựng điện 2	36,000,000	
CTY TNHH MTV MÔI TRƯỜNG ĐO THI TPHCM	220,545,435	
Nhà Khách Phương Nam - Bộ Công An	185,982,000	
Cty TNHH DCT Partners VN	189,750,000	121,000,000
T/ Tam Dục Nghề Bán Công Sài Gòn	247,568,252	
Phải thu từ khách hàng khác	2,605,915,716	2,672,330,481
	<u>15,053,326,026</u>	<u>23,893,236,237</u>

4 Trả trước cho người bán

VP LUẬT SƯ HỒNG NGUYỄN & Cộng sự

	31-12-2016	01-01-2016
CTY TNHH LINK MEDIA	500,000,000	
Trả trước người bán khác	765,000,000	
	87,670,827	1,454,920,211
	<u>1,352,670,827</u>	<u>1,454,920,211</u>

5 Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	31-12-2016	01-01-2016
Cty TNHH Sắt Thép VINH ĐÀ	-	100,000,000
CTY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH ĐẤT VIỆT	15,156,134,549	13,246,733,549
CTY CP XNK VIỆT TIẾP	1,598,478,659	1,598,478,659
CÔNG TY TNHH TOYOTA HIROSHIMA TÂN CẢNG-HT	620,787,200	
CTY CP KD & PTN AN NGHIỆP PHÁT	2,112,225,940	2,162,225,940
Công ty TNHH TM Du lịch Huyền Trang	3,181,040,000	3,231,040,000
Tạm ứng cho CBNV	149,855,927	297,637,452
Đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	84,993,000	25,000,000
Phải thu khác	1,665,285,467	4,192,338,398
	<u>24,568,800,742</u>	<u>27,015,679,938</u>

b) Dài hạn

Bảo lãnh hợp đồng đại lý vé máy bay (VN Airlines)	500,000,000	500,000,000
Công ty TNHH Máy Nam Phú	317,250,000	317,250,000
Ký quỹ từ hình quốc tế tại VCB	250,000,000	750,000,000
CTY TNHH MTV MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÉ SÀI GÒN	423,196,380	423,196,380
Ký quỹ xuất khẩu lao động tại Ngân hàng Techcombank	1,000,000,000	1,000,000,000
Các khoản ký quỹ khác	316,621,800	316,621,800
Dặt cọc, ký cược, ký quỹ giấy phép LHQT	2,807,068,180	3,307,068,180

4 Dự phòng nợ phải thu khó đòi ngắn hạn:

	31-12-2016	01-01-2016
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển An Thiện Nhân	9,880,466,346	9,880,466,346
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Đất Việt	13,246,733,549	13,246,733,549
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển An Nghiệp Phát	2,112,225,940	2,162,225,940
Công ty Xuất nhập khẩu Việt Tiếp	1,598,478,659	1,598,478,659
Công ty TNHH Sắt thép Vĩnh Đa		100,000,000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Toàn Gia Thịnh	182,600,118	182,600,118
Công ty TNHH thương mại du lịch Huyền Trang	2,296,040,000	1,731,040,000
Công ty Cổ phần Việt Nam Việt Nhật	278,036,475	278,036,475
Các khách hàng khác	691,166,915	692,108,615
	30,285,748,002	29,871,689,702

7 Hàng tồn kho

	31-12-2016		01-01-2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường				
Công cụ dụng cụ	23,619,353		23,483,953	
Nguyên liệu, vật liệu	9,612,826		3,581,149	
Nhiên liệu	20,801,695		19,026,378	
Hàng hóa	128,940,740	128,940,740	128,940,740	128,940,740
Phụ tùng	376,273,426	95,285,822	383,441,578	95,285,822
Cộng	559,248,040	224,226,562	558,473,798	224,226,562

8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý+TS khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1,339,428,880	298,535,136	42,640,465,816	246,351,474	44,524,781,306
Tăng trong kỳ	-	49,800,000	11,166,863,640	-	11,216,663,640
Trong đó:					
Mua sắm mới		49,800,000	11,166,863,640		11,216,663,640
Giảm trong kỳ	-	-	(15,379,076,572)	-	(15,379,076,572)
Trong đó:					
Thanh lý, chuyển bán			(15,379,076,572)		(15,379,076,572)
Số cuối kỳ	1,339,428,880	348,335,136	38,428,252,884	246,351,474	40,362,368,374
Giá trị hao mòn					(4,162,412,932)
Số đầu năm	1,096,928,978	238,135,156	27,268,485,492	246,351,474	28,849,901,100
Khấu hao trong năm	8,567,016	12,983,996	3,905,485,506	-	3,927,036,518
Giảm trong kỳ	-	-	(10,962,400,375)	-	(10,962,400,375)
Trong đó:					
Thanh lý, chuyển bán			(10,962,400,375)		(10,962,400,375)
Số cuối kỳ	1,105,495,994	251,119,152	20,211,570,623	246,351,474	21,814,537,243
Giá trị còn lại					-
- Tại ngày đầu năm	242,499,902	60,399,980	15,371,980,324	-	15,674,880,206
- Tại ngày cuối kỳ	233,932,886	97,215,984	18,216,682,261	-	18,547,831,131

9 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Sở hữu năm					-
Tăng trong kỳ			250,000,000		250,000,000
Trong đó:					
Mua sắm mới			250,000,000		250,000,000
Giảm trong kỳ					-
Sở cuối kỳ	-	-	250,000,000	-	250,000,000
Giá trị hao mòn					
Sở hữu năm					-
Khu hao trong năm					-
Tăng khác			5,555,556		5,555,556
Giảm trong kỳ					-
Sở cuối kỳ	-	-	5,555,556	-	5,555,556
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-
- Tại ngày cuối kỳ	-	-	244,444,444	-	244,444,444
Chi phí trả trước					
a) Ngắn hạn			31-12-2016	01-01-2016	
Chi phí phân bổ của trung tâm taxi			900,771,019		1,035,362,080
Chi phí phân bổ của trung tâm đào tạo			181,539,011		
Chi phí phân bổ của BP cho thuê xe				340,225	
Chi phí phân bổ của Công ty TDS			15,681,660		52,644,000
Chi phí phân bổ của Công ty Long Văn			25,738,147		182,268,336
Chi phí trả trước ngắn hạn khác					274,730,909
Cộng			1,123,729,837		1,545,245,550
b) Dài hạn					
CP sửa chữa công trình 93/1017 Lê Đức Thọ			831,551,086		1,215,343,896
Chi phí trả trước dài hạn khác			181,524,996		
Cộng			1,013,076,082		1,215,343,896
10. Vay và nợ thuế tài chính					
	31-12-2016	Trong năm		01-01-2016	
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị	
Ông Võ Văn Ba			(165,000,000)		165,000,000
Bà Huỳnh Thanh			(118,333,502)		118,333,502
Diễn Trang					
Cộng			(283,333,502)		283,333,502
12. Phải trả người bán			31-12-2016	01-01-2016	
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn			5,857,939,156		812,176,339
CTY TNHH DỊCH VỤ KỸ THUẬT SECO			40,994,800		
CÔNG TY TNHH TOYOTA HIROSHIMA TÂN CẢNG- HT			4,606,500,000		
Phải trả người bán của công ty TDS			47,774,340		114,265,820
Phải trả người bán của công ty Long Văn			37,100,000		35,600,000
Phải trả cho các đối tượng khác			1,125,570,016		697,910,519
13. Người mua trả tiền trước			31-12-2016	01-01-2016	
Khách lẻ-Tour Jeju			50,000,000		
Khách lẻ tour			26,000,000		
Các khách hàng khác			41,272,581		65,571,280
Cộng			117,272,581		65,571,280
14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước					
Tình hình thực hiện nghĩa vụ Thuế và các khoản nộp Ngân sách Nhà nước trong kỳ như sau :					
	31-12-2016	Số phải nộp	Số đã thực nộp	01-01-2016	
a) Phải nộp					
Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist					

Thuế GTGT hàng bán nội địa	(496,741,579)	1,544,971,296	(2,193,632,511)	151,919,636
Thuế thu nhập doanh nghiệp	433,176,482			433,176,482
Tiền thuế đất	409,401,000	457,610,280	(48,209,280)	-
Thuế môn bài	-	4,000,000	(4,000,000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	29,756,882	173,336,653	(167,573,050)	23,945,279
	<u>375,592,785</u>	<u>2,179,918,229</u>	<u>(2,413,366,841)</u>	<u>609,041,397</u>

Công ty TNHH MTV TM Du lịch Sài Gòn Tourist

Thuế GTGT hàng bán nội địa	(110,447,798)	(77,596,079)		(32,941,719)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(20,409,727)			(20,409,727)
Thuế môn bài	-	2,000,000	(2,000,000)	-
Thuế thu nhập cá nhân	4,911,231	9,905,099	(6,382,922)	1,389,054
			6,382,922	

Công ty TNHH MTV Du lịch Bảo vệ Long Văn

Thuế GTGT hàng bán nội địa	544,938,673	778,262,150	1,307,850,152	1,074,526,673
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(219,200,836)			(219,200,836)
Thuế môn bài	-	1,500,000	1,500,000	-
Thuế thu nhập cá nhân	2,028,489	3,163,730	6,275,643	3,140,402

b) Phải thu

Công ty cổ phần Vận chuyển Sài Gòn Tourist

Thuế GTGT hàng nội địa	45,099,143			45,099,143
	<u>45,099,143</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>45,099,143</u>

5. Chi phí phải trả

	31-12-2016	01-01-2016
a) Ngắn hạn		
Chi phí của Trung tâm dạy nghề bán công	269,345,000	116,915,568
Chi phí của Trung tâm vận chuyển xe du lịch	148,040,000	9,799,790
Trích trước chi phí tư vấn, kiểm toán	57,500,000	115,000,000
Chi phí của Trung tâm vận chuyển Taxi	13,495,555	10,580,910
Chi phí của tour Jeju	549,999,970	
Trích trước các khoản chi phí khác	85,349,312	334,035,445
Cộng	<u>1,123,729,837</u>	<u>586,331,713</u>

b) Dài hạn

Trích trước chi phí trợ cấp thôi việc	1,293,671,875	1,345,046,350
Cộng	<u>1,293,671,875</u>	<u>1,345,046,350</u>

6. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31-12-2016	01-01-2016
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	1,063,516,340	814,730,962
Bảo hiểm xã hội	105,008,282	36,928,445
Bảo hiểm y tế	1,776,412	8,156,110
Bảo hiểm thất nghiệp	2,208,220	2,842,495
Thù lao Hội đồng quản trị	210,284,788	210,284,788
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1,219,365,715	2,306,235,215
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2,566,204,157	3,490,539,127
Cộng	<u>5,168,363,954</u>	<u>6,869,717,142</u>
b) Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	1,191,147,350	1,345,046,350
Cộng	<u>1,191,147,350</u>	<u>1,345,046,350</u>

7. Doanh thu chưa thực hiện

	31-12-2016	01-01-2016
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	97,793,639	72,324,706
Cộng	<u>97,793,639</u>	<u>72,324,706</u>

b) Dài hạn

Doanh thu nhận trước

Cộng

730,000,000

1,460,000,000

730,000,000

1,460,000,000

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại

31-12-2016

01-01-2016

20%

20%

Tài sản thuế TN hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ

1,570,101,744

1,570,101,744

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

1,570,101,744

1,570,101,744

19. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Các quỹ	Lợi nhuận thuần của phần phổ	Tổng
Số dư đầu năm trước	80,000,000,000						(36,345,687,125)	53,634,342,875
Lãi/Lỗ trong năm trước							(20,120,964,297)	(20,120,964,297)
Số dư đầu năm nay	80,000,000,000	-	-	-	-	-	(66,486,621,422)	33,513,378,578
Lãi/Lỗ trong năm nay							(5,248,082,535)	(5,248,082,535)
Số dư cuối kỳ	80,000,000,000	-	-	-	-	-	(71,734,703,957)	28,265,296,043

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu

- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ taxi
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ đào tạo lái xe
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ cho thuê xe
- Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán vé máy bay
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bảo vệ
- Doanh thu từ các dịch vụ lễ hành , dịch vụ phòng ...
- Doanh thu từ các dịch vụ khác

Năm 2016

Năm 2015

16,965,887,868
6,347,420,000
5,569,762,455
1,273,250,860
10,532,595,907
10,070,553,628

20,379,894,474
1,643,384,092
7,887,637,219
4,870,602,944
12,422,813,113
10,823,903,872

50,959,470,718

17,449,162
58,045,684,876

Năm 2016

Năm 2015

15,060,000

(50,959,470,718)

15,060,000

(50,959,470,718)

Năm 2016

Năm 2015

20,965,426,024
6,579,687,231
5,579,279,918
1,528,849,322

22,470,149,423
2,565,786,491
7,835,901,467
4,769,919,692
146,800
9,974,539,602
10,746,736,097

8,967,877,287

9,892,517,284

53,513,637,066

58,363,199,572

Năm 2016

Năm 2015

131,460,748

263,503,359

131,460,748

1,339,106

264,842,465

Năm 2016

Năm 2015

15,202,489

241,649,615

2,718,298

12,557,014

17,920,787

254,206,629

Năm 2016

Năm 2015

1,032,174,979

543,977,233

130,555,816

483,281,014

1,182,730,795

1,027,258,247

Năm 2016

Năm 2015

4,238,736,357

6,183,832,932

73,836,770

66,744,838

221,332,551

195,680,040

1,776,721,733

1,273,917,664

202,538,658

7,863,847,701

1,992,696,538

2,226,655,498

8,505,862,607

2,243,519,129

Năm 2016

Năm 2015

4,757,062,206

20,054,197,802

16,614,300

1,691,513,934

752,463,447

67,980,000

1,042,811,903

1,178,723,653

6,568,951,886

2,878,217,587

2. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi từ các khoản cho vay và tiền gửi
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

3. Chi phí tài chính

- Chi phí lãi vay
- Chi phí tài chính khác

Cộng

4. Chi phí bán hàng

- Chi phí cho nhân viên
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí cho nhân viên
- Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi
- Chi phí dự phòng trợ cấp thôi việc
- Chi phí khác bằng tiền

Cộng

6. Thu nhập khác

- Lãi từ thanh lý nhượng bán TSCĐ
- Thu nhập từ vi phạm hợp đồng
- Thu tiền lãi phạt
- Thu nhập khác

Cộng

8. Chi phí khác

	Năm 2016	Năm 2015
Lỗ từ thanh lý nhượng bán TSCĐ(thanh lý đất tại Nguyễn Kiệm Gò Vấp)		1,021,035,522
Tiền phạt vi phạm hợp đồng và phạt hành chính		168,516,376
Chi phí khác	155,115,398	253,049,728
Cộng	155,115,398	1,442,601,626

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

10. Chi phí thuế TNDN hoãn lại

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	(5,248,749,191)	(20,120,964,297)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(5,248,749,191)	(20,120,964,297)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	8,000,000	8,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(656)	(2,515)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giải trình khoản Bồi thường trên báo cáo tài chính:

So với cùng kỳ năm trước, năm nay Công ty có khoản lãi thu từ thanh lý xe ô tô, nguyên nhân chi phí quản lý được cắt giảm, và không có các khoản dự phòng nợ khó đòi.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam – CN TP.HCM, Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập/kế toán trưởng



HỒ THỊ TRÚC VÂN

